TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8 -2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Út Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Láng**

Bà **Chu Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hứa Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

* Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X xây dựng gia đình với anh Hoàng Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ ngày 09/8/2013. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 01/2021, nguyên nhân

là hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không còn tình cảm, không quan tâm liên lạc với nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Quá trình sống ly thân anh T cũng không có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị X xin được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung là Hoàng Vy D sinh ngày 20/8/2014 và Hoàng Quốc V sinh ngày 20/3/2017, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện đang sống cùng mẹ. Khi ly hôn chị X đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Hoàng Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành lấy được bản tự khai, lời khai của bị đơn do anh Hoàng Văn T không có mặt ở nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, anh T biết nhưng không đến Tòa án để làm việc và cũng không có ý kiến gì.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh T và chị X kết hôn năm 2013, sau khi kết hôn anh T và chị X về sinh sống tại Khu I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ nhưng anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, không có đăng ký tạm trú tại nơi sinh sống là Khu I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Đến tháng 8/2022 thì anh T do mâu thuẫn vợ chồng với chị X nên đã bỏ về sinh sống với bố mẹ đẻ tại thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, kể từ đó không trở lại thăm hỏi vợ con lần nào.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Cụ thể:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng và thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng. Bị đơn vắng mặt và không chấp hành nội dung các văn bản tố tụng của tòa án nên không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Hoàng Vy D sinh ngày 20/8/2014 và Hoàng Quốc V sinh ngày 20/3/2017 cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Hoàng Văn T được phép đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu vì vậy đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu vì vậy đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ năm 2013. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về phía chị X trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án anh T không có bản tự khai, Tòa án cũng không lấy được lời khai của anh T. Kết quả xác minh thể hiện, hiện nay anh Hoàng Văn T vẫn cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn nhưng khi Tòa án đến giao các văn bản tố tụng cho anh T đều không có mặt ở nhà. Theo lời khai của ông Hoàng Văn L (là bố đẻ của anh Hoàng Văn T) cho biết anh T đã biết việc chị X đề nghị ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Ba Bể đang thụ lý, giải quyết, anh T đồng ý ly hôn nhưng không muốn lên Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Để xem xét về tình trạng hôn nhân của chị X và anh T, Tòa án đã tiến hành xác minh Khu trưởng (trưởng thôn) và chi hội trưởng chi hội phụ nữ nơi

sinh sống của vợ chồng chị X, anh T thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chị X và anh T về sinh sống ở Khu A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, từ năm 2021 trở lại đây thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, đánh chửi nhau. Nguyên nhân do anh T hay uống rượu say đánh, chửi vợ. Khu I cũng đã có nhắc nhở, góp ý, hòa giải vợ chồng chị X, anh T để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh T vẫn không thay đổi, việc hòa giải Khu I không tiến hành lập biên bản. Đến khoảng tháng 8/2022 thì do mâu thuẫn vợ chồng anh T đã đi khỏi nhà, anh T đi đâu, làm gì địa phương không ai biết. Đi từ đó cho đến nay không thấy quay trở lại với vợ và các con lần nào.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Tháng 8/2022 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T đã bỏ đi khỏi nhà và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, quá trình sống ly thân không quan tâm, liên lạc. Trong quá trình giải quyết vụ án chị X và anh T cũng không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh T không chấp hành các giấy triệu tập đến phiên tòa xét xử của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Điều này càng thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị X. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai vợ chồng chị X và anh T có 02 con chung là Hoàng Vy D sinh ngày 20/8/2014 và Hoàng Quốc V sinh ngày 20/3/2017, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay các cháu đang ở với chị X. Chị X có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho vợ hoặc chồng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phải căn cứ vào các điều kiện để đảm bảo con chung phải được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt nhất. Cháu Hoàng Vy D hiện nay đã trên 7 tuổi, tại bản tự khai cháu D trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn là được sống với mẹ Nguyễn Thị X. Cháu Hoàng Quốc V chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không hỏi ý kiến của cháu. Kết quả xác minh tại trường học của hai con chung khẳng định: Chị X là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, đưa đón và đóng góp mọi khoản tiền ăn học cho các cháu. Về điều kiện kinh tế, Tòa án đã xác minh tại địa phương thể hiện: Chị X có nhà riêng, có hiệu spa tóc gội đầu dưỡng sinh thu nhập mỗi tháng khoảng 10 triệu đồng đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con. Về phía anh T quá trình giải quyết vụ án không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ, tài liệu, thông tin gì để chứng minh về điều kiện kinh tế và yêu cầu cụ thể của anh T. Trên cơ sở nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi con của các bên đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng giao 02 con chung cho chị X trực tiếp trông nom, nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo tốt hơn khi giao cho anh T. Vì lẽ đó cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung của chị X.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Hoàng Vy D sinh ngày 20/8/2014 và Hoàng Quốc V sinh ngày 20/3/2017 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hoàng Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001148 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị X đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND thị trấn Phong Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Thị Út Hiền